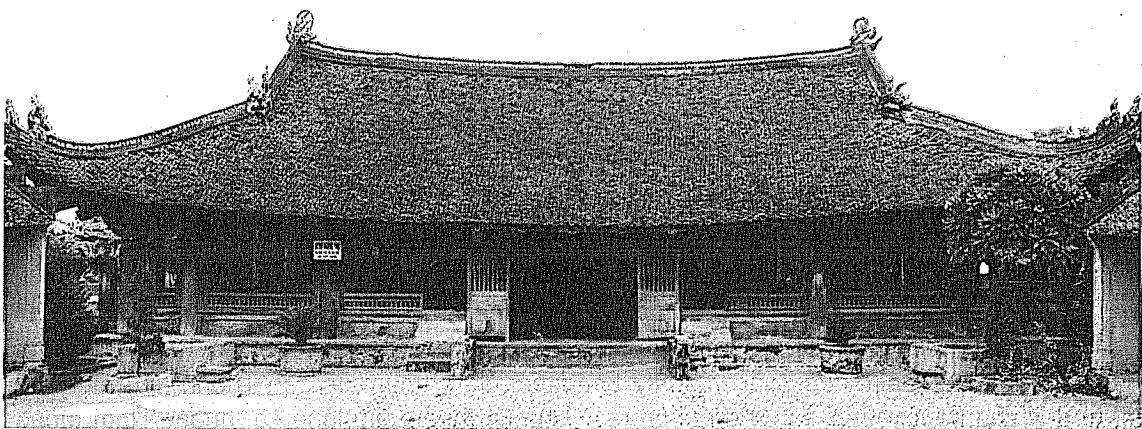


ĐÌNH MÔNG PHỤ

KTS. ANH DŨNG* - QUANG CHẤN**



Đại bái đình Mông Phụ - Ảnh: Ban Quản lý di tích Hà Tây

Tren dòng trôi chảy của văn hóa Đường Lâm, đình Mông Phụ nổi lên như một trong những ngọn đèn dẫn dắt người dân quê này vượt qua những thác ghềnh của lịch sử để vững bước tới bờ của tương lai. Ở nơi ấy, chúng ta đã gặp dòng văn hóa vật thể và phi vật thể hòa quyện với nhau một cách

nhuần nhuynh mà hun đúc nên một tinh thần thiện tâm, một ý chí quật cường của cả vùng đất danh tiếng này.

Làng Đường Lâm nằm trên đất thềm nền của núi Ba Vì, đây là một miền đất cổ, một địa đầu để người Việt khởi động trong cuộc trường chinh tiến xuống vùng đồng bằng/châu thổ thấp, khai mỏ ra nước Việt với những nền văn minh của thời trung cổ. Vượt qua các di tích

khác của Đường Lâm, với đền Phùng Hưng và Ngô Quyền, thì đình Mông Phụ và chùa Mía có thể coi là hai điểm sáng văn hóa rực rỡ của miền quê nông nghiệp này.

Trước hết, chúng tôi muốn đề cập đến vị thần được thờ và một số vấn đề liên quan đến ngôi đình Mông Phụ. Đình Mông Phụ thờ Tản Viên Sơn Thánh làm một vị thành hoàng làng, đã cho chúng ta biết, mảnh đất này nằm trong vùng của một vị anh hùng văn hóa khởi nguyên sản phẩm của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Vào thời tiền sử, như nhiều nhà khoa học đã cho biết, người Việt còn sống ở thượng lưu sông Hồng, sinh sống bằng phương thức săn bắt/bắn và hái lượm, trong điều kiện ấy bà mẹ thế gian quản lý miền rừng núi được nảy sinh. Xuôi theo dòng sông Hồng, cũng đồng nhất với sự phát triển của lịch sử, khi nông nghiệp được khẳng định thì bà mẹ xứ sở cũng nảy sinh, đó là bà Âu Cơ. Cùng với bà Âu Cơ thì một số vị thần linh nông nghiệp khác ở dạng sơ khai cũng ra đời. Trong tư duy mênh mông của thời cổ đại, người Việt đã hình thành nhận thức: Có trời thì có đất, có ngày tất có đêm, có nam phải có nữ..., suy cho cùng, phải có âm có dương. Âm dương đối đãi là nền tảng cho sự nảy sinh và phát triển của muôn loài, muôn vật. Từ kinh nghiệm của sản xuất nông nghiệp, người xưa cũng đúc rút rằng, mưa là tinh dịch của trời cha tràn xuống lòng đất-mẹ để cho muôn loài sinh sôi. Nhưng, không phải lúc nào trời cũng mưa thuận gió hòa để đem nguồn sinh lực tươi nhuần muôn cõi. Cũng như nhiều cư dân khác trên thế giới, người Việt khi tiến xuống những vùng đất thấp, nhìn lại phía sau, họ đã thấy đỉnh núi thường có mây phủ (gắn với trời), chân núi ở dưới (gắn với đất), từ đó, tư duy của người tiền - sơ sử đã nhận ra: Núi là cái gạch nối giữa trời và đất, một con đường thông linh nhảm chuyển tải nguồn sinh lực vô biên từ tầng trên xuống tầng dưới. Nhận thức của họ đã được phát triển hơn khi hội vào hòn Cô Sơn. Và, người Việt đã sớm tìm được núi Tản Viên, để vị thần núi này mang tư cách một đấng "vô cùng", mà tín ngưỡng dân gian xếp Thánh vào loại đứng đầu bách thần, để gọi là đức Thánh Cả. Có thể nghĩ, Thánh Tản là một anh hùng văn hóa ra đời vào thời tiền - sơ sử, rồi trên dòng trôi chảy của sự phát triển lịch sử mà Ngài được đắp thêm da thêm thịt để

mang nhiều chức năng mới, như dạy dân cày cấy, đánh cá, làm nghề..., đặc biệt Ngài được coi như là một chứng tích lịch sử để nói lên sự sáng tạo thần kỳ của dân tộc ta trong việc đắp đê chống lụt, bảo vệ mùa màng sản xuất, rồi được huyền thoại hóa bằng câu chuyện đấu tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Hiện tượng đó được chứng minh rõ ràng bởi một số truyền thuyết, mà theo cố GS. Từ Chí và cố GS. Trần Quốc Vượng, thì ở vùng cao phía trên - nơi sông Hồng chưa có đê, Sơn Tinh và Thủy Tinh là hai người bạn thân (non nước hữu tình), khi xuống vùng thấp, xuất hiện đê là xuất hiện cuộc chiến đấu dai dẳng trường kỳ này. Vai trò của Sơn Tinh đồng nhất với nguồn hạnh phúc viên mãn của dân tộc, nên vị thần núi này đã theo bước chân của người Việt mà tràn lan khắp mọi vùng của đất nước. Chúng ta có thể tạm nghĩ rằng, núi Ba Vì là hòn núi chủ của toàn quốc trong tư duy nông nghiệp của dân ta.

Người Đường Lâm thờ thần Tản Viên ở đình Mông Phụ như là một lẽ đương nhiên trong bước đường phát triển, bởi Thần/Thánh là đại diện của chân lý, của cả đạo và đức, một chỗ dựa tinh thần, một trung tâm hội tụ đoàn kết cộng đồng để bảo vệ và xây dựng xóm làng. Trong tinh thần ấy, đình Mông Phụ đã được đứng ở một vị trí đẹp nhất làng, trên một mảnh đất cao ráo, sáng sủa, xưa kia là nơi tụ hội của cây cối, chim muông. Thuở đầu, đất đai còn rộng rãi, dân cư còn thưa thớt, mặt trước đình còn thoáng đãng nên cảnh quan thật phong quang, đẹp đẽ.

Hiện nay, đình quay hướng Tây Nam, với hướng Nam mang đúng tư cách "Thánh nhân Nam diện" nhằm đề cao Thánh như một ông vua tinh thần của làng xã, hướng Nam tượng bằng màu đỏ là hướng chứa đầy sinh lực, mát mẻ và cũng là hướng của thiện tâm trên nền tảng trí tuệ. Đồng thời, đó cũng là "Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam". Hướng Tây mang yếu tố âm, mặt thần (mặt đình) là dương, nên giữa kiến trúc - thần và không gian đã tạo thành một thể âm dương đối đãi, khiến thần luôn yên vị. Đó là ước vọng thường trực trong nhận thức dân gian của người Việt trước đây. Như vậy, nhìn về hướng Tây Nam đã mang tính tổng hòa mọi ý nghĩa như nêu trên, khiến đình Mông Phụ được coi như nằm ở giữa trung tâm

của miền đất thánh thiện.

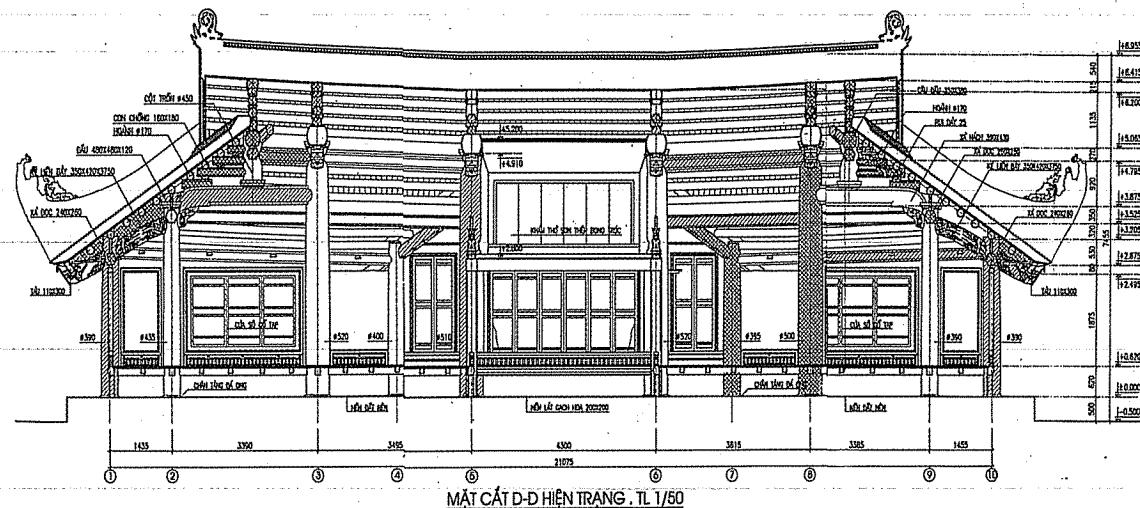
Hiện nay, mở đầu cho đình là một nghi môn tứ trụ có niên đại vào thế kỷ XX. Có thể nghĩ rằng, đây là những trục thông linh, mà hai trụ giữa lớn hơn, với trên đỉnh là đôi lân trong thế ngồi nhìn xuống, mang ý nghĩa kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Ở những nghi môn tứ trụ xưa hơn thì đỉnh cột này thường là bốn con phượng theo kiểu lá lật, vì phượng tượng trưng cho bầu trời, với đầu đội công lý và đức hạnh, mắt là mặt trời - mặt trăng, lưng công bầu trời, cánh là gió, lông là cây cỏ, chân là đất..., nó còn tượng trưng cho Thánh nhân. Trong tư cách này, phượng như hội tụ sinh lực của bốn phượng trời truyền qua cột mà tràn về trần gian; còn lân tượng cho trí tuệ, cho sự trong sáng của tầng trên (ở các cột của nghi môn Mông Phụ đã đặt phượng ở trụ nhỏ và lân ở trụ lớn). Bước qua nghi môn là một sân rộng, hai bên có tả hữu vu. Mỗi tòa xây theo kiểu năm gian tường hồi bít đốc với bốn hàng chân cột, vì nóc theo kiểu chồng rường, cốn kèo ngồi, xà nách nối cùng xà lòng. Nhìn chung, kiến trúc này là sản phẩm của thế kỷ XX, chạm khắc dưới dạng bào trơn đóng bén. Đáng quan tâm ở đây là, phía bên hữu đã đặt ban thờ các vị tổ của dòng họ thuộc các giáp - một hiện tượng ít gặp ở nhiều ngôi đình khác (hiện tượng trên cũng đã thấy được thể hiện ở hai đầu hồi của đại đình Ngã Cầu (Hoài Đức)), ban thờ kể trên được đặt lửng ở hồi trong của tòa nhà. Ở tòa tả vu cũng là nơi thờ những thần linh dân gian liên quan

Đáng quan tâm nhất là kiến trúc của tòa đại đình. Hiện nay, kiến trúc này được dựng theo kiểu chữ Công. Bằng vào khảo sát thực địa, qua nghệ thuật chúng ta có thể thấy rằng, trước đây đình được dựng theo kiểu chữ Nhị mà tòa trong có phần sớm hơn tòa ngoài, với phong cách nghệ thuật khoảng đầu thế kỷ XVIII, còn tòa ngoài có thể muộn hơn vài chục năm. Niên đại ghi trên câu đầu cho biết, đình được sửa chữa lại vào năm Tự Đức thứ 12 (1859), sau đó, còn được tu sửa nhiều lần nữa, mà một niên đại tập trung là vào đời Thành Thái (cuối thế kỷ XIX).

Trở lại với kiến trúc tòa đại đình, được dựng theo kiểu ba gian hai chái, sáu hàng chân cột đặt trên một nền đất thấp. Hiện nay, đình vẫn có sàn, được bưng ván gỗ. Từ trên xuống, mái

đình to, bè, không thể hiện lưỡng long chầu nguyệt, bờ nóc hơi cong, được kết thúc bởi hai đầu kìm dưới dạng lân cồng trên lưng một vân xoắn lớn. Hình thức này còn kế thừa gần gũi từ lân đuôi cá đội vân xoắn với phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII ở đền Vă. Qua đó, có thể thấy, đây là hai con vật như tượng cho âm dương của bầu trời đang công biểu tượng của sấm chớp. Tại khúc nguynh tùng bên là một đôi Náp/Xô với hình thức của lân, với niên đại khá muộn, trong tư thế nhìn xuống sân như để kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Ở đầu guột là một hồi long được đắp đơn giản trong thế chạy vào. Rồi đầu đao là một con lân trong thế chạy lên, đỉnh đao chỉ là một đầu rồng quay chầu vào nội đình. Nhìn chung, những con giống trên bộ mái đều mang tư cách là linh vật của tầng trên, gắn với nguồn sinh lực vũ trụ như sấm chớp và trí tuệ, khiến cho bộ mái, thân đình và dưới đất là một hợp thể của Tam tài (Thiên - Địa - Nhân) để mỗi khi làm lễ thông linh cũng đồng nhất với hiện tượng thông Tam giới.

Kết cấu bộ khung gỗ trong lòng nhà, gồm bộ vỉ nóc theo kiểu giá chiêng ở trên liền chồng rường ở bên dưới. Trên cùng là một rường con cung ty lực trên hai đầu cột trốn và gồng lưng đội thượng lương, hai đầu đội đôi hoành thứ nhất. Từ thân trên của cột trốn một con rường cùt ăn mộng vào cột rồi chạy ra đỡ đôi hoành thứ hai. Ở thân dưới cột, là con rường khác đỡ đôi hoành thứ ba, rường này ăn mộng xuyên qua cột trốn, mà không bị cắt ở phần giữa. Tất cả hệ thống trên ty xuống con rường dưới thông qua các đầu vuông thót đáy. Rường này vươn hai đầu đỡ hai hoành nóc thứ tư, rồi ép bụng trên câu đầu, câu đầu đỡ đôi hoành thứ năm và ty lực trên đấu vuông thót đáy kê trên đầu cột cái. Như vậy, mỗi bên của vỉ nóc đã có tới năm khoảng hoành. Ở cốn mè (phần nối giữa cột cái và cột quân) cũng đã được thể hiện năm khoảng hoành với xà nách có cùng độ cao với xà lòng để nối với xà nách trong, khiến chúng ta cảm giác ba bộ phận này (xà nách ngoài - xà lòng - xà nách trong) như cùng một thân gỗ. Phía trong của các đầu cột cái, nơi đội bụng câu đầu đều có đầu dư chạm rồng dưới dạng bong kênh và lông. Từ cột quân ra cột hiên (hoặc tường đỡ mái) là một kẻ liền với phần trên lưng kê đỡ ván dong, tương ứng với



Mặt cắt ngang tòa đài bái đình Mông Phụ

bốn khoảng hoành, đầu kè nhô ra phía ngoài để ngâm tàu mái. Phần ngoài cột hiên chỉ được thể hiên hai khoảng hoành mà thôi.

Vốn dĩ đình Mông Phụ chỉ có sàn mà không có tường bao, xung quanh chỉ có lan can kiểu chấn song con tiện, mà hình thức có thể rất gần gũi với đình Chu Quyến (Ba Vì) và đình Hữu Bằng (Thạch Thất). Có thể vào thời gian muộn, cuối thế kỷ XVIII, hoặc đầu thế kỷ XIX, người ta đã dựng khung để lắp ván gỗ nhằm tăng sự thâm nghiêm cho ngôi đình. Nền của đình là đất nện mà không được lát, bởi người xưa quan niệm rằng, lát nền nhà là ngăn chặn sự giao hòa của khí âm và khí dương, khiến làng xóm khó phát sinh, phát triển. Ngoài ra, chân tảng kê cột, cũng như ở đình Tây Đằng và nhiều ngôi đình khác thường làm bằng đá phiến mà không cần gia công theo kiểu thúc âm dương (vuông - tròn), vì thực tế, đã có sàn thì người ta ít quan tâm đến nghệ thuật của hòn tảng. Nhìn chung, đại đình Mông Phụ có dáng dấp như nhiều ngôi đình thông thường khác, song với sáu hàng chân, bờ ngói giọt gianh đã bắt đầu cao hơn, khiến cho mái tuy thấp nhưng vẫn như bè ra, tuy chỉ có ba gian hai chái lớn nhưng đình có tới sáu bộ vì nóc, với bốn bộ tỳ lực trên các cột cái, còn hai bộ ở đầu đốc, tỳ lực trên hệ cột trốn đứng lực trên xà đùi.

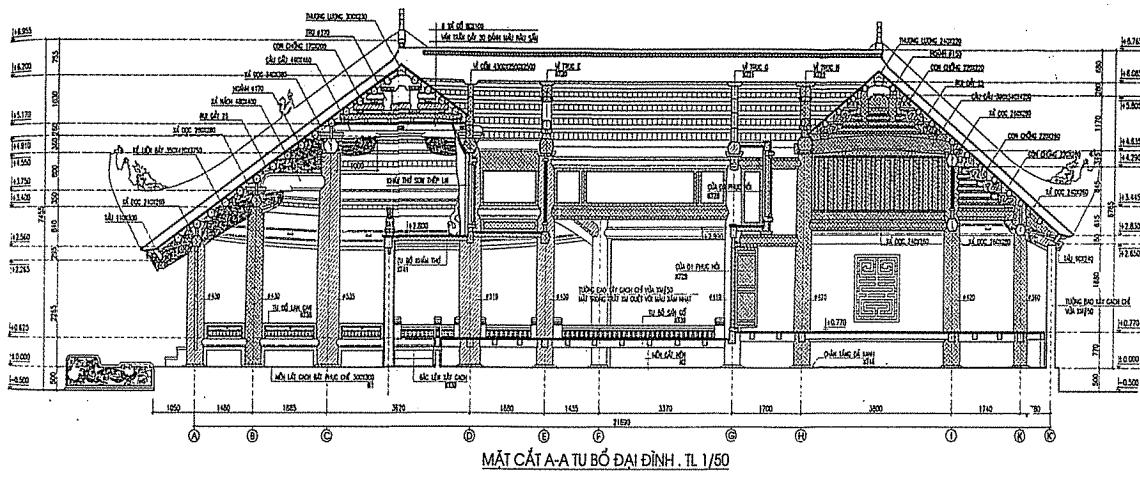
Ở tòa hậu cung phía sau chỉ được làm với

dạng một gian hai chái lớn, chủ yếu với bộ vì nóc được làm theo kiểu tương tự như ở tòa đại đình nhưng chỉ có bốn hàng chân cột, nên ngoài vì nóc kiểu giá chiêng kiêm chống rường thì cốt chủ yếu là chống rường, ở đầu cột quân là bẩy mà không có kẻ...

Ở tòa ống muống, bộ phận kiến trúc có khả năng làm muộn về sau, đó là kết cấu của cuối thế kỷ XIX, với vì ván mè là chính..

Ở lĩnh vực kiến trúc, một chi tiết khác đáng quan tâm trên mặt bằng là đình Mông Phụ cũng có một giếng tròn ở bên hữu tòa đại đình, tương đồng như ở đình Tây Đằng. Như vậy, tạm có thể nghĩ đây không phải là giếng làng mà là giếng đình nhằm phục vụ cho những sinh hoạt tâm linh cũng như những sinh hoạt liên quan khác.

Nổi lên trong kiến trúc đình Mông Phụ, đó là, những mảng chạm khắc. Có thể nói rằng, hiện tượng chạm tầng tầng, lớp lớp ở đầu dư, cốn, xà nách, bẩy... dưới dạng lộng, bong kênh với độ chênh nhau khi trên 10 cm đã như đạt đến đỉnh cao của một hình thức thao diễn kỹ thuật, trong đó nổi lên là các đề tài gắn với rồng với nhiều dạng thức khác nhau, như: Rồng tai cánh sẻ, mõm loe rộng, mắt lồi nhìn thẳng mà hình thức còn rất gần gũi với những con rồng của nghệ thuật nửa cuối thế kỷ XVII; rồi những con rồng ở đầu dư với mũi đao mac vát chéo



Mặt cắt dọc đỉnh Mông Phu

hoặc gọt tròn, mà không nhọn, đã là sản phẩm của thế kỷ XVIII; tiếp đó là những con rồng của thời Nguyễn (thường đi liền với hệ thống tứ linh) thuộc giai đoạn khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, điển hình là chầu mặt trời trên bộ ván mè của toà ống muống. Nhìn chung, chúng ta vẫn đọc được ở đây, thông qua những con rồng, là ước vọng cầu mưa, cầu mùa, cầu sự sinh sôi; rồi lão long huấn tử như nhắc nhở chúng ta về ý thức học tập, trong tinh thần "phi trí bất hưng". Ở đây, còn có phượng hàm thư cũng nhắc đến ý thức coi trọng Nho học; rồi long mã gắn với ý thức:

Long - rồng -> bay lên - tung -> kinh tuyến -
thời gian;

Mã - ngựa → *chạy ngang - hoành* → *vĩ tuyến* - *không gian*. Linh vật này như chứa đựng chí tung hoành của nam nhi, đồng thời cũng biểu hiện về khả năng công không gian và thời gian.

chuyển động. Đó là tư cách của bậc Thánh nhân. Ngoài những hình thức chạm khắc như nêu trên, ở tòa ống muồng còn chạm những hình tung lộc, với cả một bầy hươu, hay tung hạc..., đó là những sản phẩm của cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đánh dấu sự thâm nhập của văn hóa Trung Hoa, thông qua tầng lớp nho sĩ bình dân vào kiến trúc của làng xã.

Đình Mông Phụ còn rất nhiều giá trị khác, cả về lịch sử lẫn nghệ thuật. Song, chỉ thoáng qua đã thấy, đình mang một giá trị đặc biệt với tính chất cầu nối giữa tạo hình của thời Lê Trung Hưng với thời Lê Mạt và Nguyễn. Một sản phẩm mang tính lấp chô trống trên dòng chảy của kiến trúc truyền thống Việt./.

A.D - Q.C

SUMMARY: MÔNG PHU COMMUNAL HOUSE (ANH DŨNG - QUANG CHĂN)

The article shows that Mông Phu communal house is the cultural centre of the village. The authors have decoded the basic meanings on Thành hoàng làng, from mountain god turning into anti-flood god. In architecture field, it shows the plain structure in which it explained the beginning of the communal house had been built with two parallel sections together with a separate communal well. The carving art has reached the peak of technical level with many major topics, connecting XVII century with the end of XVIII century and the later.